

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phúc Hiếu.

2. Ông Hà Thanh Phong.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996. (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Khu 11, xã V, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1993. (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Khu Đ, xã P, huyện L, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Duy T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là xã P), huyện L, tỉnh P ngày 26/12/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ khoảng tháng 2/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 22/5/2020. Ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Nguyễn Thị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do anh Nguyễn Duy T không có mặt ở địa phương, hiện nay anh T đang làm ăn, sinh sống tại: Khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Duy T. Tại bản tự khai, anh Nguyễn Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị D có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là xã P), huyện L, tỉnh P ngày 26/12/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau. Từ khoảng tháng 2/2022 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị D xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Duy T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 22/5/2020. Ly hôn, anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Anh Nguyễn Duy T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 22/5/2020 đến khi cháu N thành niên.

Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Duy T, HKTT tại: Khu Đ, xã P, huyện L, tỉnh P. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là xã P), huyện L, tỉnh P ngày 26/12/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị D và anh T cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T đều xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 22/5/2020. Hiện nay

cháu N đang ở cùng chị D. Khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và anh T cũng nhất trí khi ly hôn thì giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, sự phát triển của cháu và xét ý kiến của chị D và anh T vì vậy cần giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N là phù hợp.

Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao là phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 22/5/2020 đến khi cháu N thành niên.

Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002095 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5]. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Cơ quan THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã P;
- Lưu HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Việt Giang